

Số: 02 /2026/TT-BNG

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về phân cấp cho các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong một số lĩnh vực

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH13 và Luật số 79/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12;

Căn cứ Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14, Luật số 23/2023/QH15;

Căn cứ Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP và Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cấp bản sao từ số gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp

đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 64/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 106/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 26/2022/NĐ-CP của Chính phủ về viên chức lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 28/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 191/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế;

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư quy định về phân cấp cho các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong một số lĩnh vực.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về phân cấp cho các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong các lĩnh vực: tổ chức bộ máy; công tác phi chính phủ nước ngoài; biên giới, lãnh thổ; công tác thỏa thuận quốc tế; công tác điều ước quốc tế; ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quốc tịch; hộ tịch; nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài; công chứng, chứng thực; nuôi con nuôi; lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam; tổ tụng hình sự; phòng, chống mua bán người; người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 2. Nguyên tắc phân cấp

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại, nhằm thực hiện hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.

3. Bảo đảm phù hợp với năng lực chuyên môn của các đơn vị, đáp ứng mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt khâu trung gian, giảm thiểu các chi phí tổ chức thực hiện, phát huy trách nhiệm, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường tính chủ động và linh hoạt trong việc thực hiện nhiệm vụ.

4. Bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực tổ chức bộ máy

Học viện Ngoại giao có thẩm quyền ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Khoa chuyên ngành thuộc Học viện Ngoại giao quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 08/2024/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực công tác phi chính phủ nước ngoài

Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hóa có thẩm quyền:

1. Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ và thực hiện đúng hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

2. Cung cấp thường xuyên, đầy đủ thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận kiểm tra quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 58/2022/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực biên giới, lãnh thổ

Ủy ban Biên giới quốc gia có thẩm quyền:

1. Thông báo cho cơ quan ngoại giao của nước có chung đường biên giới về việc hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu quốc tế sau khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15.

2. Bồi dưỡng, hướng dẫn lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng về nghiệp vụ đối ngoại biên phòng, giải quyết vụ việc liên quan đến biên giới quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 30 Luật số 66/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15.

3. Tiếp nhận hồ sơ về việc mở, nâng cấp cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính (cửa khẩu song phương) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 Nghị định số 112/2014/NĐ-CP quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2023/NĐ-CP và Nghị định số 299/2025/NĐ-CP.

4. Cung cấp, trao đổi với Bộ Quốc phòng những thông tin, tài liệu về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phạm vi phụ trách có liên quan đến nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật hiện hành; thông tin về các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến nhiệm vụ biên phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 299/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực công tác thỏa thuận quốc tế

Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế có thẩm quyền:

1. Tổ chức sao lục, công bố thỏa thuận quốc tế mà Bộ Ngoại giao đã ký kết hoặc đề xuất ký kết trong trường hợp ký kết thỏa thuận quốc tế nhân danh Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, trừ trường hợp thỏa thuận quốc tế không được phép công bố theo thỏa thuận giữa bên ký kết Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 42 Luật Thỏa thuận quốc tế số 70/2020/QH14.

2. Đơn đốc việc thực hiện thỏa thuận quốc tế nhân danh cục thuộc Bộ Ngoại giao quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật số 70/2020/QH14.

3. Thống kê thỏa thuận quốc tế đã ký kết quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật số 70/2020/QH14.

4. Phổ biến, giáo dục pháp luật về thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật số 70/2020/QH14.

5. Kiểm tra về việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 5 Điều 46 Luật số 70/2020/QH14.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực công tác điều ước quốc tế

1. Cục Lãnh sự kiểm tra điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 41 và điểm a khoản 3 Điều 54 Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15 đối với các điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao người bị kết án phạt tù, xuất nhập cảnh, cư trú của công dân Việt Nam và người nước ngoài trừ các điều ước quốc tế mà Bộ Ngoại giao là cơ quan đề xuất ký.

2. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế kiểm tra điều ước quốc tế thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 41 và điểm a khoản 3 Điều 54 Luật số 108/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15 trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Cục Lãnh sự quy định tại khoản 1 Điều này và các trường hợp kiểm tra điều ước quốc tế về biên giới, lãnh thổ, an ninh, quốc phòng.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao cho ý kiến thẩm định bằng văn bản đối với chính sách của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách theo phân công của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực quốc tịch

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện thực hiện thống nhất các văn bản quy phạm pháp luật về quốc tịch quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức,

hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo Cơ quan đại diện trong việc cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc tịch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác quốc tịch tại các Cơ quan đại diện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

4. Bồi dưỡng nghiệp vụ quốc tịch cho viên chức ngoại giao, lãnh sự quy định tại điểm d khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

5. Chỉ đạo Cơ quan đại diện cập nhật thường xuyên pháp luật quốc tịch của nước ngoài để thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết các việc về quốc tịch quy định tại điểm e khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

6. Thu hồi những giấy tờ liên quan đến quốc tịch Việt Nam do Cơ quan đại diện cấp trái quy định của pháp luật quy định tại điểm h khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

7. Tổng hợp tình hình và thống kê số liệu các việc về quốc tịch đã giải quyết tại Cơ quan đại diện, gửi Bộ Tư pháp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 34 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực hộ tịch

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công tác đăng ký và quản lý hộ tịch tại các Cơ quan đại diện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 67 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13.

2. Tổ chức việc bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho viên chức ngoại giao, lãnh sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 67 Luật số 60/2014/QH13.

3. Lập Sổ hộ tịch để quản lý thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại Cơ quan đại diện và làm căn cứ cấp bản sao trích lục hộ tịch quy định tại Điều 55 và điểm c khoản 1 Điều 67 Luật số 60/2014/QH13.

4. Cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và cấp bản sao trích lục hộ tịch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 67 Luật số 60/2014/QH13.

5. Tổng hợp tình hình và thống kê hộ tịch của Cơ quan đại diện gửi Bộ Tư pháp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 67 Luật số 60/2014/QH13.

6. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước mà người chết mang quốc tịch quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định

chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

7. Thông báo cho cơ quan đại diện ghi chú tiếp vào Sổ hộ tịch quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 87/2020/NĐ-CP, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, Nghị định số 07/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện quy định của pháp luật liên quan đến nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2019/QH14 và Luật số 23/2023/QH15.

2. Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế của Việt Nam cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại Việt Nam quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 64/2015/NĐ-CP quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

3. Tiếp nhận mẫu giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người không quốc tịch đang cư trú tại nước đó và đề nghị Bộ Công an cho ý kiến để trả lời phía nước ngoài về việc chấp thuận hay không chấp thuận cho người được cấp giấy tờ trên nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 64/2015/NĐ-CP.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực công chứng, chứng thực

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Quyết định việc kiểm tra về tổ chức và hoạt động công chứng do viên chức ngoại giao thực hiện ở nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 23 Thông tư số 05/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra về công tác chứng thực tại các Cơ quan đại diện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

3. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự làm công tác chứng thực tại các Cơ quan đại diện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

4. Hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực của các Cơ quan đại diện gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP và Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực nuôi con nuôi

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Chỉ đạo Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ trẻ em Việt Nam được cho làm con nuôi ở nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12.

2. Hướng dẫn Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đăng ký việc nuôi con nuôi quy định tại khoản 2 Điều 48 Luật số 52/2010/QH12.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam

Cục Lãnh sự và Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền:

1. Thông báo cho Cơ quan lãnh sự danh dự hoặc Lãnh sự danh dự thông tin về công dân Nước cử tại khu vực lãnh sự bị bắt, tạm giam chờ xét xử hoặc tạm giữ dưới bất kỳ hình thức nào, đồng thời thông báo cho đương sự biết những quyền mà họ được hưởng quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 26/2022/NĐ-CP về viên chức lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thông báo cho Cơ quan lãnh sự danh dự hoặc Lãnh sự danh dự biết khi có công dân Nước cử chết trong khu vực lãnh sự; hoặc những trường hợp cần người giám hộ quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 26/2022/NĐ-CP.

3. Thông báo cho Cơ quan lãnh sự danh dự hoặc Lãnh sự danh dự khi có tàu thủy mang quốc tịch Nước cử bị đắm hoặc mắc cạn trong lãnh hải hoặc nội thủy của Việt Nam hoặc khi máy bay, các phương tiện giao thông vận tải khác đăng ký ở Nước cử bị nạn trên lãnh thổ Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 26/2022/NĐ-CP.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực tố tụng hình sự

Cục Lãnh sự và Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền thông báo cho Cơ quan đại diện ngoại giao của nước có công dân bị giữ, bị bắt trong trường hợp người bị giữ, bị bắt là công dân nước ngoài quy định tại Điều 116 Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15.

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực phòng, chống mua bán người

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai công tác phòng, chống mua bán người và thực hiện công tác bảo hộ nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân bị mua bán ra nước ngoài là công dân Việt Nam; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và của nước ngoài thực hiện giải cứu, tiếp nhận, xác định nạn nhân, đưa nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân là công dân Việt Nam về nước quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15.

2. Chỉ đạo việc phối hợp với cơ quan đại diện của nước có liên quan và cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để đưa nạn nhân là người nước ngoài về nước quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật số 53/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15.

Điều 17. Phân cấp thẩm quyền trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Cục Lãnh sự có thẩm quyền:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác bảo hộ lãnh sự, bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc ở nước sở tại phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước xử lý những vấn đề phát sinh ở nước sở tại liên quan đến người lao động Việt Nam quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác khai thác thông tin về người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện công tác vận động người lao động Việt Nam ở nước ngoài đăng ký hợp đồng giao kết sau khi xuất cảnh quy định tại điểm e khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 372/2025/NĐ-CP.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả.

2. Các đơn vị được phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, định kỳ hằng năm báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế có trách nhiệm tham mưu hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Thông tư này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2026.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới nhưng nội dung liên quan đến thẩm quyền của Bộ Ngoại giao không thay đổi thì việc phân cấp theo Thông tư này tiếp tục được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Ngoại giao (Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế) để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao;
- Các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Anh Tuấn

- Cổng thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: HC, LPQT.